

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỊNH QUÁN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Thanh Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Vương Thị Dung
2. Ông Hoàng Xuân Mẫn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa:**  
Ông Vũ Văn Hội - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 577/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hà G, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Số nhà 75, ấp T, xã P, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

*2. Bị đơn:* Anh Trần Kỳ C, sinh năm: 1985

HKTT: Số 11, phố 5, ấp 5, xã P, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

(Chị G và anh C đều vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện ngày 14/10/2019, bản khai, biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hà G trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh C tự nguyện tìm hiểu chung sống với nhau từ năm 2005 nhưng đến năm 2011 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Vinh, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/9/2011. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống tại xã Phú Vinh. Từ năm 2017 đến nay chị sống ly thân với anh C do anh C đang chấp hành án tại trại giam Xuân Lộc với mức án là 08 năm tù. Quá trình vợ chồng chung sống thì không hạnh phúc do tính tình vợ chồng không hợp, anh C nhiều lần hành hung đánh đập vợ. Từ khi anh C đi tù đến nay, chị và hai con về nhà ngoại sinh sống. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng

không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Kỳ C.

Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung tên là Trần Ngọc C, sinh ngày 01/01/2005 và Trần Ngọc N, sinh ngày 02/5/2008. Hiện các con chung do chị nuôi dưỡng nên chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị G có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

**- Theo biên bản lấy lời khai ngày 13/8/2020, bị đơn anh Trần Kỳ C trình bày:**

Anh và chị G tự nguyện kết hôn năm 2004, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Phú Vinh. Anh không nhớ chính xác thời gian đăng ký kết hôn chỉ nhớ năm 2004 là năm mà anh chị tổ chức đám cưới. Cho đến khi con đi học thì anh chị mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Vinh và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Theo tài liệu mà chị G cung cấp thì đăng ký kết hôn năm 2011 là chính xác. Sau khi kết hôn thì vợ chồng anh chung sống tại xã Phú Vinh. Trong thời gian chung sống thì vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không lớn; anh không đánh đập, hành hung chị G. Năm 2017, anh chấp hành án về tội mua bán trái phép chất ma túy tại trại giam Xuân Lộc thì vợ con vẫn đến thăm. Từ tháng 6/2019 đến nay thì chị G không đến thăm anh nữa. Khi chung sống do mâu thuẫn vợ chồng không lớn nên anh không nhờ gia đình và chính quyền địa phương can thiệp. Nay chị G yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn với chị G.

Anh và chị G có 02 con chung tên là Trần Ngọc C, sinh ngày 01/01/2005 và Trần Ngọc N, sinh ngày 02/5/2008. Anh đồng ý với ý kiến của chị G về con chung: Đồng ý giao cả 02 con chung cho chị G trực tiếp chăm sóc giáo dục con chung. Hiện tại anh đang chấp hành án tại trại giam Xuân Lộc nên không có khả năng cấp dưỡng nuôi con. Chị G không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con thì anh đồng ý. Hiện nay các con đang ở cùng chị G.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh đồng ý về việc Tòa án tiến hành lấy ý kiến, thu thập nguyện vọng con chung là Trần Ngọc C, sinh ngày 01/01/2005 và Trần Ngọc N, sinh ngày 02/5/2008. Anh thống nhất với toàn bộ tài liệu chứng cứ mà chị G cung cấp cho Tòa án, anh không bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Anh yêu cầu Tòa án không triệu tập làm việc, hòa giải và tham gia phiên tòa. Anh C đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

**- Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

Việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Các đương sự chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử, tổng đạt văn bản tố tụng, giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu: Tòa án xác định đúng theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng chị G và anh C đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đã sống ly thân, khả năng đoàn tụ không có và anh C đồng ý ly hôn nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G. Đề nghị cho chị G được ly hôn với anh Trần Kỳ C.

Về con chung: Con chung đang sống cùng mẹ và được chị G chăm sóc tốt, hai cháu có nguyện vọng được ở cùng mẹ, nên đề nghị giao 02 con cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Chị G không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn nên tạm thời anh C không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Chị G, anh C được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được đảm bảo thực hiện theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hà G phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:***

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hà G và bị đơn anh Trần Kỳ C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Trần Kỳ C đăng ký thường trú tại Số 11, phố 5, ấp 5, xã Phú Vinh, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của của Tòa án nhân dân huyện Định Quán theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Hà G khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu giải quyết việc nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về luật áp dụng: Chị Nguyễn Thị Hà G và anh Trần Kỳ C đăng ký kết hôn năm 2011 nên áp dụng luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hà G và anh Trần Kỳ C tự nguyện kết hôn, hôn nhân không vi phạm điều cấm của pháp luật, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã La Ngà và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/4/2017 nên được công nhận hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị G: Qua xem xét lời trình bày của chị G, chứng cứ Tòa án thu thập được có đủ căn cứ xác định vợ chồng chị G và anh C

thật sự đã có mâu thuẫn, vợ chồng không còn yêu thương quan tâm chăm sóc nhau. Như vậy, cuộc sống vợ chồng của chị G và anh C đã vi phạm quy định tại Điều 18 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, những mâu thuẫn gia đình đã xảy ra không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng chị G và anh C đã có mâu thuẫn trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ và anh C đồng ý ly hôn. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G, giải quyết cho chị G được ly hôn với anh C theo quy định tại Điều 85, 88, 89, 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Về con chung: Chị G và anh C có 02 con chung là Trần Ngọc C, sinh ngày 01/01/2005 và Trần Ngọc N, sinh ngày 02/5/2008. Các con chung đang sống cùng mẹ và được chị G chăm sóc tốt, các cháu có nguyện vọng được ở cùng mẹ, chị G có công việc ổn định, anh C đồng ý giao con cho chị G nên giao 02 con cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Chị G không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn nên tạm thời anh C không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh C được quyền thăm mom con chung không ai được cản trở. Chị G, anh C được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Xét quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hà G phải chịu 300.000đ tiền án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 85, 88, 89, 91 92, 93, 94 của Luật hôn nhân gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 131 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hà G. Chị Nguyễn Thị Hà G được ly hôn với anh Trần Kỳ C.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Trần Ngọc C, sinh ngày 01/01/2005 và Trần Ngọc N, sinh ngày 02/5/2008 cho chị Nguyễn Thị Hà G trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Tạm thời anh Trần Kỳ C không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Trần Kỳ C được quyền thăm mom con chung không ai được cản trở. Chị Nguyễn Thị Hà G, anh Trần Kỳ C được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị Hà G phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị G đã nộp theo biên lai số 0002706 ngày 10/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán được chuyển thành tiền án phí. Chị G đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Hà G và anh Trần Kỳ C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THADS huyện Định Quán;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú Vinh;
- Lưu.

**Phan Thanh Hà**

-----  
**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phan Thanh Hà**









